

Số: 09 /2020/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 27 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Bố trí số lượng cán bộ, công chức xã,
phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 về công chức xã, phường, thị trấn; số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1043/TTr-SNV ngày 20 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Thái Bình như sau:

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại 1: Bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn tối đa không quá 22 người, cụ thể như sau:

a) Bí thư Đảng ủy: 01 người.

b) Phó Bí thư Đảng ủy: 01 người.

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân: Do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm.

d) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 01 người.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.

e) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: Không quá 02 người.

g) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 01 người.

h) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 01 người.

i) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ: 01 người.

k) Chủ tịch Hội Nông dân: 01 người (trường hợp phường, thị trấn không có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và không có tổ chức Hội Nông dân thì không bố trí chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân).

l) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: 01 người.

m) Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy): 01 người.

n) Chỉ huy trưởng Quân sự: 01 người.

o) Tài chính - kế toán: 01 người.

p) Tư pháp - hộ tịch, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực Tư pháp; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực Hộ tịch.

q) Văn hóa - xã hội, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Giáo dục, văn hóa, thông tin, truyền thông, du lịch, thể dục, thể thao, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc và thanh niên; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Y tế, lao động, thương binh, xã hội, gia đình và trẻ em.

r) Văn phòng - thống kê, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Cải cách hành chính, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, thủ quỹ, thống kê.

s) Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã) hoặc Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên và môi trường; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Xây dựng, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới (đối với xã); hoặc Xây dựng, giao thông, nông nghiệp và đô thị (đối với phường, thị trấn).

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại 2: Bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn tối đa không quá 21 người, cụ thể như sau:

a) Bí thư Đảng ủy: 01 người.

b) Phó Bí thư Đảng ủy: 01 người.

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân: Do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm.

d) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 01 người.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.

e) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.

g) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 01 người.

h) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 01 người.

i) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ: 01 người.

k) Chủ tịch Hội Nông dân: 01 người (trường hợp phường, thị trấn không có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và không có tổ chức Hội Nông dân thì không bố trí chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân).

l) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: 01 người.

m) Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy): 01 người.

n) Chỉ huy trưởng Quân sự: 01 người.

o) Tài chính - kế toán: 01 người.

p) Tư pháp - hộ tịch, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực Tư pháp; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực Hộ tịch.

q) Văn hóa - xã hội, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Giáo dục, văn hóa, thông tin, truyền thông, du lịch, thể dục, thể thao, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc và thanh niên; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Y tế, lao động, thương binh, xã hội, gia đình và trẻ em.

r) Văn phòng - thống kê: Được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Cải cách hành chính, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, thủ quỹ, thống kê.

s) Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã) hoặc Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên và môi trường; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Xây dựng, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới (đối với xã); hoặc Xây dựng, giao thông, nông nghiệp và đô thị (đối với phường, thị trấn).

3. Đơn vị hành chính xã loại 3: Bố trí số lượng cán bộ, công chức tối đa không quá 18 người, cụ thể như sau:

a) Bí thư Đảng ủy: 01 người.

b) Phó Bí thư Đảng ủy: 01 người.

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân: Do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm.

d) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 01 người.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.

e) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.

g) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 01 người.

h) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 01 người.

i) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ: 01 người.

k) Chủ tịch Hội Nông dân: 01 người.

l) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: 01 người.

m) Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy): 01 người.

n) Chỉ huy trưởng Quân sự: 01 người.

o) Tài chính - kế toán: 01 người.

p) Tư pháp - hộ tịch: 01 người.

q) Văn hóa - xã hội, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Giáo dục, văn hóa, thông tin, truyền thông, du lịch, thể dục, thể thao, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc và thanh niên; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Y tế, lao động, thương binh, xã hội, gia đình và trẻ em.

r) Văn phòng - thống kê: 01 người.

s) Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường: 01 người.

4. Đơn vị hành chính phường, thị trấn loại 3: bố trí số lượng cán bộ, công chức phường, thị trấn tối đa không quá 18 người, cụ thể như sau:

a) Bí thư Đảng ủy: 01 người.

b) Phó Bí thư Đảng ủy: 01 người.

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân: Do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm.

d) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 01 người.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.

e) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.

g) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 01 người.

h) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 01 người.

i) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ: 01 người.

k) Chủ tịch Hội Nông dân: 01 người (trường hợp phường, thị trấn không có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và không có tổ chức Hội Nông dân thì không bố trí chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân).

l) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: 01 người.

m) Chỉ huy trưởng Quân sự: 01 người.

n) Tài chính - kế toán: 01 người.

o) Tư pháp - hộ tịch: 01 người.

p) Văn hóa - xã hội, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Giáo dục, văn hóa, thông tin, truyền thông, du lịch, thể dục, thể thao, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc và thanh niên; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Y tế, lao động, thương binh, xã hội, gia đình và trẻ em.

q) Văn phòng - thống kê: 01 người.

r) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường: Được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên và môi trường; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Xây dựng, giao thông, nông nghiệp và đô thị.

5. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

6. Đối với xã, phường, thị trấn bố trí Trưởng Công an là Công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này giảm 01 người.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và thay thế Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh giao số lượng, bố trí chức danh và một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ.

2. Quy định chuyển tiếp: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, số công chức đang đảm nhiệm vị trí công tác thuộc chức danh công chức thực hiện tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền quyết định bố trí, sắp xếp công

tác mới hoặc quyết định giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP hoặc giải quyết chế độ thôi việc theo quy định của Luật Cán bộ, công chức.

Việc bố trí, sắp xếp công tác đối với số công chức đang đảm nhiệm vị trí thuộc chức danh công chức thực hiện tinh giản biên chế hoàn thành trong năm 2020.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc bố trí, sắp xếp, quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định hiện hành.

2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /rưng

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế – Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Thái Bình;
- Công báo tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NC. *CL*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Trọng Thăng